

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 06/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/HSST ngày 31/01/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXHS – HS ngày 21 tháng 02 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thay đổi thời gian xét xử đối với:

Bị cáo **Lê Văn Q**, sinh năm 1991, Nơi cư trú: khu dân cư X, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966. Bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị N và có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013**. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2016, bị Công an huyện Kinh Môn xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trong lĩnh vực an ninh trật tự theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ – XPVPHC ngày 02/12/2016(Bị cáo đã thi hành xong tiền nộp phạt ngày 02/12/2016).

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh Đinh Minh T1, sinh năm 1981. Vắng mặt

2. Chị Trần Thị X1, sinh năm 1991. Vắng mặt

Đều trú tại: thôn L, xã S1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Chị X1 ủy quyền cho anh T1, đại diện cho chị tham gia trong các giai đoạn tố tụng).

- **Người có quyền lợi liên quan:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: khu dân cư X, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 08/11/2019, Lê Văn Q đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 34D1-404.91 (đăng ký xe mang tên chị Nguyễn Thị N vợ của Q) để đến nhà bạn chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực nhà của gia đình chị Trần Thị X1 – sinh năm 1991 (là bạn học cùng Q) và anh Đinh Minh T1 – sinh năm 1981 ở thôn L, xã S1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Q thấy nhà không có cửa công, cửa nhà đóng, Q để xe ở ngoài cổng rồi đi bộ vào sân nhà anh T1 quan sát thấy không có ai ở nhà nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q quay ra lấy xe đi thẳng vào trong sân, Q dùng tay gạt cửa chính nhà anh T1 rồi đi vào trong nhà tìm tài sản nhưng không tìm thấy tài sản gì để lấy, Q đi ra ngoài sân thì phát hiện thấy có 02 bao tải chứa đồ ở nền sân phía trước bên phải (theo hướng trong nhà đi ra), trong đó: 01 bao tải chứa màu cam bên trong có 01 máy hàn tay nhãn hiệu KEPU-MMA-220A màu cam, 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu COMBIHAMMER-W0018-1500W, 01 máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu T-FENG màu cam, 01 máy hàn nhãn hiệu LEGEND-ZX7-200, 01 máy bơm nhãn hiệu SUBMERSIBLE PUMP màu đỏ và 01 bao tải chứa màu trắng bên trong có 01 máy khoan màu đỏ đen, 01 máy cắt màu xanh nhãn hiệu BOSCH, 01 máy bắn vít nhãn hiệu BOSCH GBM 10RE. Q bê bao tải màu cam đặt lên yên xe sau đó bê bao tải màu trắng đặt lên võng xe rồi điều khiển xe mô tô đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Vũ Thị Hồng C - sinh năm 1981, trú tại: phường T2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Q nói với chị C là có đồ thanh lý muốn bán, chị C đồng ý mua của Q 01 máy hàn tay nhãn hiệu KEPU-MMA-220A màu cam, 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu COMBIHAMMER-W0018-1500W, 01 máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu T-FENG màu cam, 01 máy hàn nhãn hiệu LEGEND-ZX7-200, 01 máy bơm nhãn hiệu SUBMERSIBLE PUMP màu đỏ với tổng số tiền 1.500.000 đồng. Số tài sản còn lại Q đựng trong bao tải màu trắng, dùng xe mô tô chở về chỗ ở cất giấu. Số tiền 1.500.000 đồng Q tiêu xài cá nhân hết 800.000 đồng. Đến 16 giờ cùng ngày, Lê Văn Q đến

Công an thị xã Kinh Môn tự thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 01 máy khoan màu đỏ đen, 01 máy cắt màu xanh nhãn hiệu BOSCH, 01 máy bắn vít nhãn hiệu BOSCH GBM 10RE, 01 bao tải dừa màu trắng, 01 bao tải dừa màu cam, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 34D1-404.91 và số tiền 700.000 đồng (là tiền bán tài sản trộm cắp mà có) và khai báo về nơi bị cáo bán tài sản phạm tội mà có, dẫn Cơ quan chức năng thu hồi tài sản bị cáo đã bán cho chị C.

Tại bản Kết luận số 09 ngày 12/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Kinh Môn kết luận: **01** máy hàn nhãn hiệu Kepu_MMA-200A giá trị còn lại là 2.667.500 đồng; 01 máy hàn nhãn hiệu Legend-ZX7-200 giá trị còn lại là 970.000 đồng; 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu CombihammerW0018-1500W giá trị còn lại là 470.000 đồng; 01 máy khoan màu đỏ đen giá trị còn lại là 2.375.000 đồng; 01 máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu T-feng màu cam giá trị còn lại là 291.000 đồng; 01 máy bơm nhãn hiệu Submersible pump giá trị còn lại là 285.000 đồng; 01 máy cắt màu xanh nhãn hiệu Bosch giá trị còn lại là 237.500 đồng; 01 máy bắn vít nhãn hiệu Bosch GBM 10Re giá trị còn lại là 350.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.646.000 đồng. Đối với 01 bao tải dừa màu cam, 01 bao tải dừa màu trắng đã cũ và có nhiều vết rách nhỏ, không còn sử dụng được, không còn giá trị

Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại anh T1, chị X1. Anh T1, chị X1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự. Về số tiền 1.500.000 đồng, chị C bỏ ra mua số tài sản Q mang đến, sau đó bị công an quản lý. Chị C yêu cầu bị cáo Q hoàn trả cho chị số tiền 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT - VKS ngày 30/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo khai nhận, vào sáng ngày 08/11/2019 do hết công việc ở chỗ làm, bị cáo đã đi đến nhà bạn chơi. Khi đến khu vực gia đình chị X1, anh T1(chị X1 là bạn học cùng với bị cáo) thấy nhà không có cửa cổng, cửa nhà đóng, do một chút thiếu suy nghĩ dẫn đến vi phạm pháp luật. Sau khi phạm tội, do hối hận về hành vi lấy tài sản của nhà bạn mình nên bị cáo đã đến Công an khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, i, t khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 64 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tiền án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, Quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp với biên bản nhận dạng, tang vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 08/11/2019, tại gia đình anh Đinh Minh T1 và chị Trần Thị X1 ở thôn L, xã S1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, lợi dụng gia đình anh T1 không có cửa cổng, không có ai ở nhà, Lê Văn Q có hành vi **lén lút** chiếm đoạt của gia đình anh T1 01 máy hàn nhãn hiệu Kepu_MMA-200A; 01 máy hàn nhãn hiệu Legend-ZX7-200; 01 máy

khoan bê tông nhãn hiệu CombihammerW0018-1500W; 01 máy khoan màu đỏ đen; 01 máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu T-feng; 01 máy bơm nhãn hiệu Submersible pump; 01 máy cắt màu xanh nhãn hiệu Bosch; 01 máy bắn vít nhãn hiệu Bosch GBM 10Re; 02 bao tải dừa. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 7.646.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song do lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu sài nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Về nhân thân, năm 2016 bị cáo bị xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trong lĩnh vực an ninh trật tự, bị cáo thi hành xong khoản tiền phạt được coi là không bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, cũng xét trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo mang tính bột phát, sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức sai phạm của mình, tự giác đến Công an khai nhận hành vi phạm tội, tự giác giao nộp tài sản bị cáo chiếm đoạt và tích cực khai báo với Cơ quan chức năng để thu hồi tài sản chiếm đoạt. Đây là những tình tiết cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo không có tiền án tiền sự, hành vi phạm tội của bị cáo không có dự mưu mà chỉ mang tính bột phát, nhất thời, hành vi phạm tội có tính chất giản đơn, nên lần phạm tội này của bị

cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Mặt khác, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Tại thời điểm người bị hại trình báo, cũng như tại thời điểm bị cáo tự giác đến Công an khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, hành vi phạm tội của bị cáo chưa bị phát hiện. Việc tự khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp người phạm tội tự thú được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, sau khi nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tự giác giao nộp tài sản đã chiếm đoạt, tích cực hợp tác với cơ quan Công an trong việc thu hồi tài sản bị cáo chiếm đoạt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo không có dự mưu mà chỉ bột phát, nhất thời, tính chất hành vi phạm tội giản đơn, ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng không có công việc và thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Người bị hại anh T1, chị X1 đã nhận lại toàn bộ tài sản. Đến nay anh T1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị X1) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với yêu cầu của chị Vũ Thị Hồng C, yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho chị 1.500.000đồng, số tiền chị đã bỏ ra mua một số tài sản do bị cáo Q đã bán cho chị, số tài sản này đã bị Cơ quan công an quản lý. Quá trình điều tra xác định khi mua, chị C không biết tài sản do bị cáo Q phạm tội mà có, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Q đã bồi thường toàn bộ số tiền 1.500.000đồng cho chị C. Chị C đã nhận đủ số tiền bồi thường và không yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Kinh Môn quản lý toàn bộ số tang vật bị cáo đã chiếm đoạt và trả lại cho người bị hại. Người bị hại đã nhận lại tài sản bị cáo chiếm đoạt nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với số tiền 700.000đồng quản lý của bị cáo. Bị cáo xác định sau khi bán một số tài sản cho chị C được 1.500.000đồng, bị cáo đã tiêu sài 800.000đồng, số tiền còn lại 700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền bị cáo giao nộp là tiền do bị cáo bán tài sản phạm tội mà có, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã hoàn trả cho cho chị C toàn bộ số tiền 1.500.000đồng nên cần thiết trả cho bị cáo số tiền này. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích song bị cáo tự nguyện sung vào công quỹ số tiền 700.000đồng. Do vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo sung vào công quỹ nhà nước số tiền 700.000đồng.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Vision BKS 34D1 – 40491 có số máy JF 86E2172065; số khung RLHJF5832KY107649 đăng ký mang tên Nguyễn Thị N, trú tại khu dân cư X, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (vợ của bị cáo Q) là phương tiện bị cáo Q sử dụng vào việc phạm tội chở tài sản mang đi tiêu thụ. Tài liệu chứng cứ thu thập trong vụ án, xác định chiếc xe được chị N mua vào tháng 7/2019, mua bằng hình thức trả góp, ngày 16/01/2020 chị N đã trả xong số tiền trả góp của chiếc xe và đã nhận lại đăng ký xe. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo Q và chị N khai, nguồn gốc số tiền chị N bỏ ra mua xe một phần là tiền tích góp, một phần trả bằng hình thức trả góp từ tiền lương hàng tháng của chị N, việc bị cáo Q sử dụng là phương tiện phạm tội chị N không biết nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị xin lại chiếc xe. Lời khai của chị N trong giai đoạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và **tại phiên tòa đã** xác định, chị kết hôn với bị cáo Q vào năm 2011, từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, kinh tế của gia đình do vợ hoặc chồng làm ra đều sử dụng chung cho sinh hoạt gia đình. Tại phiên tòa bị cáo Q cũng đề nghị HĐXX cho chị N xin lại chiếc xe máy. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập, lời trình bày của bị cáo, của người có quyền lợi liên quan N, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ xác định chiếc xe mô tô trên mua trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Q nên cần tịch thu phát mại chiếc mô tô này, 1/2 giá trị chiếc xe phần của bị cáo Q tịch thu sung quỹ nhà nước, 1/2 giá trị chiếc xe phần của chị N (vợ bị cáo Q) trả lại cho chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong vụ án này đối với chị Vũ Thị Hồng C là người mua số tài sản của bị cáo Q. Quá trình điều tra xác định chị C không biết số tài sản này do bị cáo

phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn không xử lý đối với chị C là phù hợp.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào*: khoản 1 Điều 173; điểm s, i, r, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 64 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ vào*: điểm a khoản 1 Điều 76; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Căn cứ vào*: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ *Xử phạt*: Bị cáo Lê Văn Q 09(*Chín*)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 85 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại là anh T1, chị X1. Anh T1, chị X1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

- **Xử lý vật chứng**:

+ Tịch thu cho phát mại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS

34D1 – 404.91 có số máy JF 86E2172065; số khung RLHJF5832KY107649; 1/2 giá trị chiếc xe tịch thu sung vào công quỹ nhà nước; 1/2 giá trị chiếc xe trả lại cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990, Địa chỉ: khu dân cư X, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo, sung vào Công quỹ nhà nước số tiền 700.000đồng(tiền bị cáo đã giao nộp).

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/02/2020 giữa Công an thị xã Kinh môn và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

- **Án phí:** Bị cáo Lê Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:**Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt những người bị hại, có mặt người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Hải Dương;
- VKS nhân dân thị xã Kinh Môn;
- THA Hình sự Công an TX Kinh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thị xã Kinh Môn;
- Bị cáo;
- Người bị hại, người có QL liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh